

Số: /KH-SNN&PTNT

Vĩnh Phúc, ngày tháng 10 năm 2021

## KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025**

Thực hiện Chương trình hành động số 09/CTHĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Quyết định số 3809/QĐ-BNN-KH ngày 20/9/2021 của Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP, Sở Nông nghiệp & PTNT xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành Nông nghiệp & PTNT về Chương trình hành động số 09/CTHĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành CTĐ của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Quyết định số 3809/QĐ-BNN-KH ngày 20/9/2021 của Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025.

- Tạo sự đồng thuận, quyết tâm, sáng tạo của mỗi cán bộ, đảng viên trong triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Ngành.

#### 2. Yêu cầu

Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển ngành Nông nghiệp & PTNT 5 năm 2021 - 2025 được UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp & PTNT giao nhiệm vụ; là căn cứ để các đơn vị trực thuộc Sở xây dựng chương trình, kế hoạch hành động theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển ngành và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 5 năm giai đoạn 2021-2025, đặc biệt tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi thông các nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ngành Nông nghiệp & PTNT.

### II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

#### 1. Mục tiêu

##### 1.1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn - kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân thông minh; chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp

sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát huy tiềm năng lợi thế từng vùng, từng địa phương; xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường, sinh thái.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh, Kế hoạch số 29/KH-SNN&PTNT ngày 08/4/2021 về phê duyệt Đề án tập trung tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông các nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 04/8/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, trong đó tập trung thực hiện các nội dung, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản như: Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh, Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 86/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh và Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh và các cơ chế, chính sách hỗ trợ khác của tỉnh về phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 87/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh và Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh quy định về phương thức hỗ trợ chênh lệch lãi suất và hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ cho các doanh nghiệp theo Nghị quyết số 87/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025; Nghị Quyết số 19/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư dự án cung cấp nước sạch và hỗ trợ giá nước sạch cho vùng nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Nâng cao thu nhập và cải thiện điều kiện sống cho dân cư nông thôn.

- Tăng cường năng lực, nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý Ngành.

- Từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và đời sống vật chất, tinh thần của công nhân viên chức trong toàn Ngành.

### **2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

- Tốc độ tăng GTSX nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá SS 2010) bình quân đạt từ 1,5-2,0%/năm.

- Phần đầu đến năm 2025: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 83 nghìn ha; diện tích lúa cả năm đạt 51 nghìn ha, năng suất lúa bình quân 59,67 tạ/ha, sản lượng đạt 304,3 ngàn tấn; diện tích ngô cả năm 9 nghìn ha, năng suất ngô bình quân 52,5 tạ/ha, sản lượng đạt 47,2 ngàn tấn; diện tích cây rau, đậu các loại trên 11 nghìn ha. Sản lượng thịt hơi các loại đạt trên 126 nghìn tấn; sản lượng trứng trên 580 triệu quả; sữa bò tươi trên 40 nghìn tấn. Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt

khoảng 6.600 ha; sản lượng nuôi trồng khoảng 29,5 nghìn tấn; sản lượng giống thủy sản 3,2 tỷ con các loại; diện tích trồng rừng tập trung đạt bình quân 740 ha/năm, trồng cây phân tán bình quân 654 ha/năm.

- 70% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn 02/BYT.
- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 25%.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Tập trung thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch bệnh Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm sức khỏe, tính mạng của nhân dân là trên hết, trước hết và bảo đảm an sinh xã hội**

Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng ngừa Covid-19 trong sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; chủ động các phương án, kịch bản, kế hoạch đề kịp thời ứng phó với mọi tình huống; duy trì ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trong tình hình dịch bệnh Covid-19 và kiểm soát nghiêm ngặt tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

**2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách cụ thể hóa các quy định của Trung ương, của Chính phủ về thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

Tiếp tục nghiên cứu các định hướng, quy định của Trung ương, của Chính phủ, của tỉnh, căn cứ thực tế trên địa bàn tỉnh để cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách của tỉnh, của ngành thuộc lĩnh vực quản lý, đảm bảo đầy đủ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước; tiếp tục rà soát, bổ sung các cơ chế, chính sách còn thiếu; sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp với thực tiễn, còn chồng chéo, chưa đầy đủ hoặc vướng mắc trong triển khai thực hiện.

**3. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển kinh tế số, xã hội số**

- Tập trung chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp, từ chuỗi liên kết cung ứng nông sản sang liên kết giá trị ngành hàng, chuyển từ nông nghiệp sản lượng cao sang nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, trách nhiệm, bền vững, khởi tạo chuyển đổi số, chuyển từ phát triển đơn ngành sang tích hợp đa ngành, từ đơn giá trị sang tích hợp đa giá trị, từ hỗ trợ đầu vào sang vừa hỗ trợ đầu vào, vừa chú trọng hỗ trợ, kết nối đầu ra.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp; tổ chức, thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của toàn ngành; đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo quy trình sản xuất an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm; từng bước mở rộng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ hiện đại và kỹ thuật sản xuất tiên tiến ở các nơi có điều kiện nhưng không loại trừ các hình thái sản xuất nông nghiệp truyền thống, phù hợp với trình độ dân trí và trình độ kinh tế - xã hội của từng vùng.

- Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo chuỗi giá trị với 3 nhóm sản phẩm chủ lực (*cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp địa phương*) và cơ cấu lại sản xuất theo lĩnh vực, vùng; phát triển các vùng chuyên canh nông sản hàng hóa chất lượng cao, quy mô lớn đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm, gắn với chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc.

### **3.1. Về nông nghiệp**

- Trồng trọt: Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu giống, cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực; khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa, thực hiện các quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững; giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, hóa chất BVTV. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng các cây trồng khác có thị trường và hiệu quả hơn, hoặc nuôi trồng thủy sản phù hợp với sinh thái của địa phương; phát triển sản xuất rau, quả, cây dược liệu ở những nơi có lợi thế, theo quy hoạch. Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý vật tư đầu vào; kiểm tra, kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh trên cây trồng đảm bảo hiệu quả cho người sản xuất.

- Chăn nuôi: Rà soát chiến lược phát triển với từng đối tượng nuôi cụ thể để điều chỉnh quy mô phù hợp với nhu cầu thị trường; xác định sản phẩm chăn nuôi chủ lực, có lợi thế tại địa phương; chuyển đổi dần từ chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại tập trung với quy mô vừa và lớn đảm bảo an toàn sinh học; từng bước đưa chăn nuôi ra khỏi khu dân cư; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới (về giống, thức ăn, thú y...). Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường; phát triển sản xuất, cung ứng, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi an toàn theo chuỗi giá trị.

### **3.2. Về thủy sản**

Tiếp tục thực hiện bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghiệp, áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ và quy trình thực hành nuôi tốt (VietGAP); đa dạng các đối tượng, phương thức và hình thức nuôi; phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, quy mô lớn; tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi và đảm bảo an toàn sinh học và bảo vệ môi trường sinh thái.

### **3.3. Về lâm nghiệp**

Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, trong đó: Đối với rừng đặc dụng đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên chú trọng công tác bảo vệ rừng, phát triển dịch vụ môi trường rừng và các mô hình phát triển lâm sản ngoài gỗ, nông lâm kết hợp; duy trì và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ; phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư vào phát triển rừng;

tổ chức thực hiện Đề án trồng 1 tỷ cây xanh; Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2050, Đề án nâng cao năng lực Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và PCCC giai đoạn 2021-2025; xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp nhằm phòng cháy chữa cháy rừng, cứu hộ; ứng dụng khoa học công nghệ đưa máy móc cơ giới hóa vào sản xuất lâm nghiệp; Đề án phát triển các dịch vụ hệ sinh thái rừng, lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu,... đẩy mạnh việc xã hội hóa nghề rừng, phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tăng nguồn thu, tái đầu tư cho phát triển lâm nghiệp.

#### **4. Nâng cao trình độ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bút phá, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành.**

Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao; cùng với đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất để thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số và kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp.

Triển khai thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030, ưu tiên sản xuất giống chất lượng cao; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số, thông tin, viễn thông, viễn thám trong tất cả các khâu sản xuất. Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo, thực hiện các giải pháp để tận dụng tối đa cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đặc biệt là các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ sinh học; tập trung giải quyết các khâu then chốt để thúc đẩy tăng trưởng đột phá cho ngành.

Triển khai các mô hình khuyến nông theo chuỗi từ sản xuất đến bảo quản, sơ chế và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích, hướng dẫn các hộ nông dân áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) để từng bước nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng quảng bá thương hiệu nông sản chủ lực.

#### **5. Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; cơ giới hóa trong sản xuất; nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm; tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, liên kết phát triển các chuỗi giá trị nông sản chất lượng cao, đảm bảo ATTP**

Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản để phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của nông sản, tăng thu nhập cho nông dân. Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa, ưu tiên đối với những vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh ATTP nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh. Tăng cường kiểm tra chất lượng VTNN nhất là những vật tư thiết yếu đầu vào của sản xuất như: Giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y...; tăng cường sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng hữu cơ; thực hiện nghiêm quản lý ATTP nông, lâm, thủy sản theo phân cấp, trọng tâm là những sản phẩm như rau, củ, quả, thịt, cá, trứng, sữa; tổ chức sản xuất theo hướng đảm bảo ATTP, áp

dụng các quy trình, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GAP, GMP, HACCP, ISO 22000...); chú trọng xây dựng, mở rộng các vùng sản xuất nông sản an toàn tập trung quy mô lớn gắn với các sản phẩm chủ lực của tỉnh; các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, thực hành nông nghiệp tốt. Tăng cường kết nối giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; giám sát, thanh tra, kiểm tra về ATTP nông, lâm, thủy sản; xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi gian lận thương mại, vi phạm các quy định về chất lượng ATTP, cạnh tranh không lành mạnh làm mất uy tín sản phẩm nông, lâm, thủy sản; tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng.

## **6. Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất**

Tổ chức lại sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, sản phẩm, ngành hàng theo hướng phát triển 3 nhóm sản phẩm chủ lực. Hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp, đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, kết nối với hệ thống tiêu thụ trong và ngoài nước; phát triển các cụm liên kết sản xuất gắn với vùng nguyên liệu, các hình thức hợp tác liên kết trong sản xuất chế biến kết nối với hệ thống tiêu thụ trong nước và quốc tế.

Tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích doanh nghiệp liên kết hình thành các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các nhóm sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao; ưu tiên hình thành các doanh nghiệp, HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quản trị tiên tiến, đủ sức tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân; thu hút đầu tư tại các địa bàn khó khăn, nhất là vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

Đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án phát triển ngành. Khai thác hiệu quả cơ hội của các FTAs đem lại, nhất là các hiệp định CPTPP, EVFTA... để phát triển thị trường tiêu thụ nông sản.

## **7. Phát triển nông thôn, xây dựng NTM và nâng cao đời sống nông dân**

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển ngành nghề nông thôn; hỗ trợ bảo tồn và phát triển các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống; gắn hoạt động kinh tế của các làng nghề với dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường. Củng cố, tạo điều kiện thuận lợi phát triển các HTX nông nghiệp; hoàn thành hệ thống hạ tầng thiết yếu trên địa bàn thôn, xã trực tiếp gắn với phát triển sản xuất, đời sống của người dân; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, làm chuyển biến rõ nét môi trường nông thôn theo hướng xanh, sạch, đẹp.

Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa, giữ vững và nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng NTM, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hướng tới nông thôn mới hiện đại. Nâng cao chất lượng các xã, huyện đạt chuẩn NTM, xây dựng các thôn ở các xã đạt chuẩn thành các thôn dân cư kiểu mẫu có kinh tế phát triển; môi trường sinh thái trong lành; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; an ninh trật tự - xã hội đảm bảo; hệ thống chính trị

vững mạnh. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách và từ các thành phần kinh tế để tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, xây dựng cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế, xã hội nông thôn và nâng cao đời sống người dân. Thực hiện hiệu quả Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Phần đầu có 100% huyện, thành phố được công nhận đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, trong đó có ít nhất 01 huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; có ít nhất 40% số xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao và 10% số xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu, có ít nhất 15% số thôn trong toàn tỉnh được công nhận thôn NTM kiểu mẫu. Phát triển mới từ 70-80 sản phẩm OCOP đạt chất lượng từ 3 sao trở lên; phát triển nâng cấp sản phẩm để có 02-03 sản phẩm đạt 05 sao cấp quốc gia.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng quản lý và khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn. Tăng cường công tác tuyên truyền, truyền thông vận động người dân nâng cao nhận thức về sử dụng nước sạch và VSMTNT đảm bảo sức khỏe; hướng dẫn xây dựng các công trình xử lý nước hộ gia đình, công trình vệ sinh, bảo vệ nguồn nước và môi trường. Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động quốc gia “Không còn nạn đói” đến năm 2025 theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 12/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

### **8. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ**

Huy động nguồn lực đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ theo hướng hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng, miền. Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai; đầu tư xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống công trình đê sông, kè chống sạt lở bờ sông; nâng cao năng lực văn phòng thường trực về phòng chống thiên tai, kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, ứng phó thiên tai để phục vụ sản xuất, dân sinh và các hoạt động kinh tế khác, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thực hiện các cơ chế, chính sách đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và các Luật chuyên ngành để tăng cường đầu tư hạ tầng phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản theo chuỗi; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng nội đồng và củng cố các tổ chức quản lý thủy nông cơ sở; chuyển đổi cơ chế quản lý vận hành các công trình thủy lợi theo định hướng thị trường. Đổi mới hình thức và cơ chế quản lý dịch vụ thủy lợi, gắn lợi ích với quyền, trách nhiệm của người sử dụng, cộng đồng trực tiếp hưởng lợi. Đầu tư nâng cao năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hoàn thành xây dựng và nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ chứa nước trọng yếu đảm bảo an toàn, an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng sản xuất nông, lâm, thủy sản, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại ngành.

Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ công (khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, kiểm nghiệm chứng nhận chất lượng, ATTP, quan trắc, cảnh báo môi trường...) và tăng cường năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước, năng lực cho lực lượng kiểm lâm.

### **9. Thu hút các nguồn lực để phát triển ngành, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ tác động của thiên tai, dịch bệnh**

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, cơ cấu lại đầu tư để tập trung vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách. Ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản và tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn. Tăng cường đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng, tài nguyên nước, nguồn lợi thủy sản; kiểm soát chặt chẽ việc cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, nhất là đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn hồ đập; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng, phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, trong đó: Đối với rừng đặc dụng tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; đối với rừng trồng phòng hộ đầu tư cải tạo, nâng cấp diện tích rừng kém chất lượng, hình thành các khu rừng ổn định, bền vững, gồm các loại cây đa tác dụng, cây bản địa đặc hữu... tăng cường khả năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái. Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách, điều phối liên ngành trong quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước lưu vực sông với sự tham gia giám sát của cộng đồng và công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên; triển khai các giải pháp tổng thể để phòng, chống, hạn chế tác động của ngập lụt, sạt lở, lũ ống, lũ quét, sạt lở núi, cháy rừng. Thực hiện nghiêm Luật phòng, chống thiên tai; Luật đê điều và các văn bản có liên quan; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng chống thiên tai, dịch bệnh.

### **10. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hội nhập quốc tế**

Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển KHCN đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp hiện đại và hội nhập quốc tế. Phát triển nhanh nguồn nhân lực qua đào tạo, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho nông dân, gắn với nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu của doanh nghiệp.

Đổi mới nội dung và hình thức đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao kiến thức, huấn luyện nghề ngắn hạn, dài hạn, cập nhật kiến thức về nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, cung cấp thông tin cho nông dân đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Nâng cao kiến thức quản trị cho cán bộ quản lý HTX, chủ trang trại, chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tiếp tục triển khai tốt Đề án đào tạo nghề cho lao động phục vụ doanh nghiệp, HTX, các thành phần kinh tế khác và xuất khẩu lao động giai đoạn 2017- 2020, định hướng đến 2025; đào tạo gắn với giải quyết việc làm.

### **11. Thực hiện tốt công tác thống kê, thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng**

Nâng cao năng lực công tác thống kê, dự báo, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và phục vụ sản xuất, kinh doanh của ngành. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý; áp dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ



công trực tuyến để cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch hàng năm.

Thực hiện tốt phong trào thi đua thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong toàn ngành.

## **12. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực thuộc Ngành**

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực thuộc Ngành. Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình, Kế hoạch cải cách hành chính; tham mưu UBND tỉnh trong việc công bố mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC trong lĩnh vực Nông nghiệp & PTNT. Tăng cường thanh tra, kiểm tra phòng, chống quan liêu, tham nhũng, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đầu tư XDCB, quản lý vốn, tài sản của Nhà nước. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán và việc xử lý sau thanh tra. Tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng theo quy định.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trên cơ sở mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung nhiệm vụ chủ yếu trong Kế hoạch này; Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025; Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025; các nội dung, danh mục công trình, đề án, dự án, kế hoạch được giao tại Kế hoạch số 29/KH-SNN&PTNT ngày 08/4/2021 về triển khai thực hiện Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án tập trung tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông các nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ngành Nông nghiệp & PTNT và căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để triển khai thực hiện, đảm bảo chất lượng và thời gian theo lộ trình đề ra.

2. Giao Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở theo dõi, đôn đốc thực hiện nội dung Kế hoạch; định kỳ tổng hợp báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Sở Nông nghiệp & PTNT yêu cầu các phòng, đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ NN&PTNT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ngành (p/h);
- UBND các huyện, TP;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quốc Huy**

